

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý 1 năm 2015

Tại ngày: 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,757,470,205,859</b>	<b>1,909,474,675,816</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>5,875,712,011</b>	<b>8,912,863,533</b>
1. Tiền	111		5,875,712,011	8,912,863,533
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>566,907,069,371</b>	<b>711,502,936,274</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	400,913,335,843	545,385,402,164
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		107,687,298,637	96,382,563,341
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		500,000,000	502,497,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	164,574,314,002	175,986,741,316
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(106,767,879,111)	(106,767,879,111)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	-	13,611,564
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.06	<b>1,133,043,503,233</b>	<b>1,147,570,616,730</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,134,225,513,255	1,148,752,626,752
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,182,010,022)	(1,182,010,022)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>51,643,921,244</b>	<b>41,488,259,279</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	20,835,504,538	5,782,508,084
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30,808,416,706	35,705,751,195
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,514,980,575,927</b>	<b>1,417,390,366,116</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19,418,962,392</b>	<b>10,562,705,092</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	19,418,962,392	10,562,705,092
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>421,813,344,853</b>	<b>417,450,677,559</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	200,219,179,728	215,110,529,664
- Nguyên giá	222		797,740,756,132	796,016,936,496
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(597,521,576,404)	(580,906,406,832)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	105,386,814,909	86,189,295,375
- Nguyên giá	225		141,140,878,333	117,001,281,474
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(35,754,063,424)	(30,811,986,099)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	116,207,350,216	116,150,852,520
- Nguyên giá	228		117,161,889,775	117,035,759,775
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(954,539,559)	(884,907,255)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.07	<b>163,722,497,330</b>	<b>164,744,293,920</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		163,722,497,330	164,744,293,920
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.02	<b>815,171,550,145</b>	<b>725,093,163,696</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		612,900,000,000	517,355,000,000

2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		215,325,000,000	221,023,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(13,053,449,855)	(13,284,836,304)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>94,854,221,207</b>	<b>99,539,525,849</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	94,629,221,207	99,314,525,849
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		225,000,000	225,000,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3,272,450,781,786</b>	<b>3,326,865,041,932</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,904,902,426,880</b>	<b>1,973,635,875,401</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,594,846,647,980</b>	<b>1,855,014,741,530</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	270,948,587,229	311,604,529,650
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27,428,584,232	24,622,531,990
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2,224,902,150	2,638,482,617
4. Phải trả người lao động	314		23,820,852,682	43,052,724,635
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	142,976,105,966	81,260,151,793
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	35,455,181,163	32,017,846,286
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	1,090,649,482,861	1,358,549,114,118
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1,342,951,697	1,269,360,441
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>310,055,778,900</b>	<b>118,621,133,871</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	310,055,778,900	118,621,133,871
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,367,548,354,906</b>	<b>1,353,229,166,531</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>1,367,548,354,906</b>	<b>1,353,229,166,531</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		660,000,000,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660,000,000,000	660,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		122,565,196,878	108,270,425,992
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		108,270,425,992	108,270,425,992
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14,294,770,886	-
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		435,328,776	410,911,287
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3,272,450,781,786</b>	<b>3,326,865,041,932</b>

Người lập biểu

Mai Ngọc Cường

Kế toán trưởng

Trần Minh Cảnh

Lập, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Duy Nhật

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)  
**Quý I năm 2015**

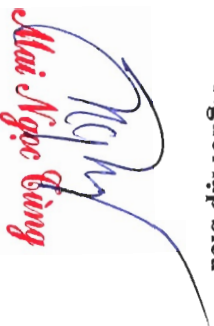
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Đơn vị tính : Đồng	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
			4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	3				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	01	V1.01	547,076,273,021	625,131,220,108	547,076,273,021	625,131,220,108
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	02	V1.02	2,301,376,226	2,852,233,800	2,301,376,226	2,852,233,800
4. Giá vốn hàng bán	10		544,774,896,795	622,278,986,308	544,774,896,795	622,278,986,308
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	11	V1.03	478,015,464,886	553,841,454,786	478,015,464,886	553,841,454,786
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20		66,759,431,909	68,437,531,522	66,759,431,909	68,437,531,522
7. Chi phí tài chính	21	V1.04	8,361,636,938	3,257,592,608	8,361,636,938	3,257,592,608
- Trong đó: Chi phí lãi vay	22	V1.05	20,019,205,092	16,288,446,437	20,019,205,092	16,288,446,437
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	23		15,421,138,061	16,064,182,365	15,421,138,061	16,064,182,365
9. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V1.08b	25,913,033,018	37,355,218,493	25,913,033,018	37,355,218,493
11. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	26	V1.08a	14,277,517,187	11,421,673,790	14,277,517,187	11,421,673,790
12. Thu nhập khác	30		14,911,313,550	6,629,785,410	14,911,313,550	6,629,785,410
13. Chi phí khác	31	V1.06	998,567,242	960,061,810	998,567,242	960,061,810
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	32	V1.07	490,346,583	286,227,631	490,346,583	286,227,631
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	40		508,220,659	673,834,179	508,220,659	673,834,179
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	50		15,419,534,209	7,303,619,589	15,419,534,209	7,303,619,589
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51		1,100,345,834	-	1,100,345,834	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	52		-	-	-	-
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	60		14,319,188,375	7,303,619,589	14,319,188,375	7,303,619,589
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		14,294,770,886	7,324,085,698	14,294,770,886	7,324,085,698
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	62		24,417,489	(20,466,109)	24,417,489	(20,466,109)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	70		218	112	218	112
	71		218	112	218	112

Người lập biểu

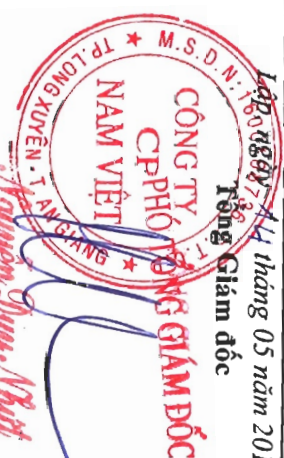
Kế toán trưởng

Lập ngày 14 tháng 05 năm 2015

Tổng Giám đốc

  
Mai Ngọc Bình

  
Trương Minh Bình



Mẫu số B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo, P Mỹ Quý, TP Long Xuyên-An Giang

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		691,700,799,475	729,927,647,861
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(406,420,804,057)	(565,839,721,260)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(89,374,846,773)	(70,908,739,297)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(14,759,772,098)	(16,766,619,069)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		503,922,400,619	456,703,347,304
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(386,709,963,596)	(359,270,784,028)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>298,357,813,570</b>	<b>173,845,131,511</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2,218,000,000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5,933,696,880
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(42,538,000,000)	(57,510,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5,697,120,000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,302,000,000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(34,538,880,000)</b>	<b>(53,794,303,120)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	9,999,560,000
2. Tiền thu từ đi vay	33		788,567,078,178	996,823,078,204
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,048,277,667,455)	(1,167,879,740,542)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(6,555,143,822)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(266,265,733,099)</b>	<b>(161,057,102,338)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(2,446,799,529)</b>	<b>(41,006,273,947)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>8,912,863,533</b>	<b>58,607,682,807</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(590,351,993)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>5,875,712,011</b>	<b>17,601,408,860</b>

Lập, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Nhật

Mai Ngọc Cường

Trần Minh Cảnh

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: 12 tháng.
- Cấu trúc tập đoàn**

#### *Tổng số các công ty con*

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 2

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

#### **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	Khu CN Thốt Nốt, P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	100%	100%
Công ty TNHH Thủy sản Biên Đông	Số 16, lô E5, Xẻo Trôm, Đông Thịnh 6, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	90,91%	90,91%

#### **Danh sách công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	40,5%	40,5%

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**  
Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

---

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Chế độ kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho Chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ẮP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### 3. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, ghi nhận theo từng hóa đơn và ghi chép cho từng lần thanh toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên. Mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng được đánh giá là khó có khả năng thu hồi thì căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

## 4. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

## 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

## 7. Tài sản thuê hoạt động

### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

## 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

## 10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## 12. Chi phí trả trước dài hạn

### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## 13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

## 14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

## 15. Nguồn vốn kinh doanh

### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

## 16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

---

#### 17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu

#### 19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 20. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

## *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

## *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

## *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **22. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Ngày 01/01/2015 công ty đã thực hiện việc chuyển đổi số dư các tài khoản theo quy định của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

Đơn vị tính: Đồng

### 1. Tiền

	31/03/2015	01/01/2015
Tiền mặt	498,174,115	337,407,115
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5,377,537,896	8,575,456,418
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5,875,712,011</b>	<b>8,912,863,533</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	612,900,000,000	612,900,000,000	-	517,355,000,000	517,355,000,000	-
+ Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	612,900,000,000	612,900,000,000	-	517,355,000,000	517,355,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	215,325,000,000	202,421,550,145	12,903,449,855	221,023,000,000	207,888,163,696	13,134,836,304
+ Ngân hàng TMCP phát triển Mê Kông	135,000,000,000	135,000,000,000	-	135,000,000,000	135,000,000,000	-
+ Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	43,200,000,000	43,200,000,000	-	43,200,000,000	43,200,000,000	-
+ Công ty CP QL đầu tư chứng khoán Bản Việt	5,821,000,000	5,821,000,000	-	11,519,000,000	11,519,000,000	-
+ Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20,304,000,000	18,400,550,145	1,903,449,855	20,304,000,000	18,400,550,145	1,903,449,855
+ Công ty CP Cromit Nam Việt	11,000,000,000	-	11,000,000,000	11,000,000,000	(231,386,449)	11,231,386,449
<b>Cộng</b>	<b>828,225,000,000</b>	<b>815,321,550,145</b>	<b>12,903,449,855</b>	<b>738,378,000,000</b>	<b>725,243,163,696</b>	<b>13,134,836,304</b>

### 3. Phải thu của khách hàng

	31/03/2015	01/01/2015
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>309,525,597,607</b>	<b>429,137,586,218</b>
- LLC Thaisimex	66,587,792,564	66,587,792,564
- Impormar De Colombialtda	23,599,220,003	45,333,757,821
- Opergel Comercial E Industrial De Prods	13,787,025,300	41,206,056,390
- Các khoản phải thu khách hàng khác	205,551,559,740	276,009,979,443
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

<i>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>91,387,738,236</i>	<i>116,247,815,946</i>
- Triple T. Corporation	91,387,738,236	116,247,815,946

#### 4. Phải Thu khác

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>164,574,314,002</i>	<i>939,926,772</i>	<i>175,986,741,316</i>	<i>939,926,772</i>
- Tạm ứng	9,811,923,808	-	8,449,666,499	-
- Ký quỹ, ký cược	150,829,099,166	-	153,614,979,360	-
- Các khoản chi hộ	362,483,086	-	362,841,545	-
- Phải thu khác	3,570,807,942	939,926,772	13,559,253,912	939,926,772
<i>b) Dài hạn</i>	<i>19,418,962,392</i>	<i>-</i>	<i>10,562,705,092</i>	<i>-</i>
- Ký quỹ, ký cược	19,418,962,392	-	10,562,705,092	-
<b>Cộng</b>	<b>183,993,276,394</b>	<b>939,926,772</b>	<b>186,549,446,408</b>	<b>939,926,772</b>

#### 5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/03/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Hàng tồn kho</b>				
- Phi mũ (cái)	-	-	5	1,520,138
- Bã đậu nành (Kg)	-	-	840	12,091,426
<b>Cộng</b>				<b>13,611,564</b>

#### 6. Hàng tồn kho

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	11,305,999,411	-	107,909,512,703	-
- Nguyên liệu, vật liệu	53,139,731,094	-	80,750,756,307	-
- Công cụ, dụng cụ	2,521,161,221	-	3,308,717,383	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	605,318,662,172	-	565,581,035,975	-
- Thành phẩm	443,111,262,838	1,182,010,022	362,611,590,753	1,182,010,022
- Hàng hóa	194,103,548	-	194,103,548	-
- Hàng gửi đi bán	18,634,592,971	-	28,396,910,083	-
<b>Cộng</b>	<b>1,134,225,513,255</b>	<b>1,182,010,022</b>	<b>1,148,752,626,752</b>	<b>1,182,010,022</b>

#### 7. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- <i>Xây dựng cơ bản</i>	<i>163,415,712,955</i>	<i>163,415,712,955</i>	<i>164,723,102,303</i>	<i>164,723,102,303</i>
+ Dự án các khu nuôi trồng thủy sản	93,939,982,837	93,939,982,837	94,066,112,837	94,066,112,837
+ Dự án đất nhà máy đông lạnh	33,523,153,290	33,523,153,290	33,523,153,290	33,523,153,290
+ Chi phí xây dựng cơ bản vùng nuôi	29,072,944,222	29,072,944,222	30,776,380,397	30,776,380,397
+ Chi phí khác	6,879,632,606	6,879,632,606	6,357,455,779	6,357,455,779
- <i>Sửa chữa</i>	<i>306,784,375</i>	<i>-</i>	<i>21,191,617</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>163,722,497,330</b>	<b>163,415,712,955</b>	<b>164,744,293,920</b>	<b>164,723,102,303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2015	290,876,802,812	445,688,154,378	49,323,947,960	10,128,031,346	796,016,936,496
- Mua trong kỳ	-	146,000,000	-	-	146,000,000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1,577,819,636	-	-	1,577,819,636
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/2015	290,876,802,812	447,411,974,014	49,323,947,960	10,128,031,346	797,740,756,132
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2015	228,115,775,737	301,450,594,300	42,354,642,905	8,985,393,890	580,906,406,832
- Khấu hao trong kỳ	2,590,215,834	12,820,519,696	1,060,189,793	144,244,249	16,615,169,572
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 31/03/2015	230,705,991,571	314,271,113,996	43,414,832,698	9,129,638,139	597,521,576,404
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày 01/01/2015	62,761,027,075	144,237,560,078	6,969,305,055	1,142,637,456	215,110,529,664
- Tại ngày 31/03/2015	60,170,811,241	133,140,860,018	5,909,115,262	998,393,207	200,219,179,728

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư 01/01/2015	116,673,761,675	361,998,100	117,035,759,775
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tặng khác	126,130,000	-	126,130,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 31/03/2015	116,799,891,675	361,998,100	117,161,889,775
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư 01/01/2015	569,697,155	315,210,100	884,907,255
- Khấu hao trong kỳ	57,935,304	11,697,000	69,632,304
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 31/03/2015	627,632,459	326,907,100	954,539,559

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

<b>Giá trị còn lại</b>	-	-	
- Tại ngày 01/01/2015	116,104,064,520	46,788,000	<b>116,150,852,520</b>
- Tại ngày 31/03/2015	116,172,259,216	35,091,000	<b>116,207,350,216</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư 01/01/2015	111,858,329,474	5,142,952,000	<b>117,001,281,474</b>
- Thuê tài chính trong kỳ	22,459,596,859	1,680,000,000	<b>24,139,596,859</b>
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 31/03/2015	134,317,926,333	6,822,952,000	<b>141,140,878,333</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	
Số dư 01/01/2015	30,172,280,137	639,705,962	<b>30,811,986,099</b>
- Khấu hao trong kỳ	4,689,975,161	252,102,164	<b>4,942,077,325</b>
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 31/03/2015	34,862,255,298	891,808,126	<b>35,754,063,424</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
- Tại ngày 01/01/2015	81,686,049,337	4,503,246,038	<b>86,189,295,375</b>
- Tại ngày 31/03/2015	99,455,671,035	5,931,143,874	<b>105,386,814,909</b>

**11. Chi phí trả trước**

	31/03/2015	01/01/2015
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20,835,504,538</b>	<b>5,782,508,084</b>
- Tiền thuê đất	487,771,667	760,824,167
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1,617,392,931	5,000,250,585
- Các khoản khác	18,730,339,940	21,433,332
<b>b) Dài hạn</b>	<b>94,629,221,207</b>	<b>99,314,525,849</b>
- Chi phí đất chờ phân bổ	69,773,755,515	71,134,552,669
- Chi phí công cụ, dụng cụ	3,326,535,787	4,468,933,903
- Chi phí vào vùng nuôi	14,430,717,210	18,561,810,106
- Chi phí sửa chữa	2,420,659,489	2,397,548,030
- Các khoản khác	4,677,553,206	2,751,681,141
<b>Cộng</b>	<b>115,464,725,745</b>	<b>105,097,033,933</b>

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/03/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>1,065,911,567,851</b>	<b>1,065,911,567,851</b>	<b>860,875,429,961</b>	<b>1,126,431,938,439</b>	<b>1,331,468,076,329</b>	<b>1,331,468,076,329</b>
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	318,341,263,420	318,341,263,420	294,874,305,178	393,463,643,838	416,930,602,080	416,930,602,080

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	27,934,233,145	27,934,233,145	35,250,385,395	24,086,152,250	16,770,000,000	16,770,000,000
- NH Phát Triển Việt Nam	60,300,780,000	60,300,780,000	20,600,000,000	64,899,220,000	104,600,000,000	104,600,000,000
- NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	92,595,350,000	92,595,350,000	93,845,350,000	176,283,479,000	175,033,479,000	175,033,479,000
- NH TMCP Tiên Phong	48,944,264,872	48,944,264,872	253,802,743,187	229,470,420,873	24,611,942,558	24,611,942,558
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam	230,568,857,100	230,568,857,100	66,831,508,271	109,405,929,894	273,143,278,723	273,143,278,723
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	82,824,437,930	82,824,437,930	82,824,437,930	122,687,751,584	122,687,751,584	122,687,751,584
- Bà Dương Thị Kim Hương	110,760,000,000	110,760,000,000	10,760,000,000	-	100,000,000,000	100,000,000,000
- Ông Doãn Tới	748,359,000	748,359,000	2,086,700,000	3,758,341,000	2,420,000,000	2,420,000,000
- Công ty TNHH Đại Tây Dương	85,794,022,384	85,794,022,384	-	2,377,000,000	88,171,022,384	88,171,022,384
- Công ty TNHH Thanh Thiên	7,100,000,000	7,100,000,000	-	-	7,100,000,000	7,100,000,000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>259,141,578,844</b>	<b>259,141,578,844</b>	<b>180,000,000,000</b>	<b>3,000,000,000</b>	<b>82,141,578,844</b>	<b>82,141,578,844</b>
- NH TMCP Tiên Phong	177,000,000,000	177,000,000,000	180,000,000,000	3,000,000,000	-	-
- Ông Doãn Tới	82,141,578,844	82,141,578,844	-	-	82,141,578,844	82,141,578,844
- Công ty TNHH MTV cho thuê TC Ngân Hàng Á Châu	-	-	-	-	-	-
<b>c) Các khoản nợ thuế tài chính</b>	<b>75,652,115,066</b>	<b>75,652,115,066</b>	<b>27,713,379,122</b>	<b>15,621,856,872</b>	<b>63,560,592,816</b>	<b>63,560,592,816</b>
- Từ 1 năm trở xuống	24,737,915,010	24,737,915,010	6,179,685,631	8,522,808,410	27,081,037,789	27,081,037,789
- Từ 1 năm đến 5 năm	50,914,200,056	50,914,200,056	21,533,693,491	7,099,048,462	36,479,555,027	36,479,555,027
<b>Cộng</b>	<b>1,400,705,261,761</b>	<b>1,400,705,261,761</b>	<b>1,068,588,809,083</b>	<b>1,145,053,795,311</b>	<b>1,477,170,247,989</b>	<b>1,477,170,247,989</b>

### 13. Phải trả người bán

	31/03/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>255,424,735,066</b>	<b>255,424,735,066</b>	<b>297,889,803,455</b>	<b>297,889,803,455</b>
- Cty SOJITZ SINGAPORE	34,521,619,286	34,521,619,286	34,521,619,286	34,521,619,286
- Nguyễn Thị Mỹ Linh	25,323,663,000	25,323,663,000	3,080,497,200	3,080,497,200
- Marubeni Grain & Oilseeds Trading Asia PTE LTD	11,451,133,451	11,451,133,451	82,979,778,771	82,979,778,771
- Dương Thị Kim Ngọc	18,072,551,000	18,072,551,000	47,011,338,770	47,011,338,770
- Phải trả các đối tượng khác	166,055,768,329	166,055,768,329	130,296,569,428	130,296,569,428
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>15,523,852,163</b>	<b>15,523,852,163</b>	<b>13,714,726,195</b>	<b>13,714,726,195</b>
- Công ty TNHH Đại Tây Dương	15,523,852,163	15,523,852,163	13,714,726,195	13,714,726,195
<b>Cộng</b>	<b>270,948,587,229</b>	<b>270,948,587,229</b>	<b>311,604,529,650</b>	<b>311,604,529,650</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

## 14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/03/2015
- Thuế GTGT đầu ra	1,190,233,960	3,073,567,019	3,802,030,439	461,770,540
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4,449,267,691	4,449,267,691	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	233,265,138	1,100,345,834	229,833,681	1,103,777,291
- Thuế thu nhập cá nhân	1,185,257,156	151,034,802	684,064,638	652,227,320
- Thuế nhập khẩu	23,060,363	391,065,602	413,474,966	650,999
- Thuế tài nguyên	6,666,000	21,975,950	22,165,950	6,476,000
- Thuế môn bài	-	7,000,000	7,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>2,638,482,617</b>	<b>9,194,256,898</b>	<b>9,607,837,365</b>	<b>2,224,902,150</b>

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Mỡ cá, thuế nhà	10%
- Cá nguyên liệu	5%
- Bột cá, thức ăn	không chịu thuế

Theo điều 5 khoản 5 thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013: Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5%

Theo điều 1 khoản 2 thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 bổ sung các đối tượng sau vào đối tượng không chịu thuế:

Thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác, bao gồm các loại sản phẩm đã qua chế biến hoặc chưa qua chế biến như cám, bã, khô dầu các loại, bột cá, bột xương, bột tôm, các loại thức ăn khác dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản và vật nuôi khác, các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi (như premix, hoạt chất và chất mang) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 5/2/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi và khoản 2, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### *Thuế nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ chế biến, nuôi trồng thủy sản với thuế suất 15% theo nghị định số 12/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 01/01/2015 (năm trước thuế suất 22%)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****15. Chí phí phải trả**

	31/03/2015	01/01/2015
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>142,976,105,966</b>	<b>81,260,151,793</b>
- Lãi vay	-	1,303,060,039
- Cước tàu, vận chuyển	9,486,876,790	2,641,127,804
- NL sản xuất thức ăn	99,302,962,092	49,755,511,140
- Hoa hồng môi giới	1,960,695,793	4,819,575,455
- Chất phụ gia	3,032,298,600	413,027,000
- Mua cá giống	7,900,061,500	10,074,039,150
- Phụ tùng thay thế, sửa chữa	2,960,994,320	2,975,952,717
- Mua túi PE- dây keo- giấy- bao bì	6,866,801,338	584,178,463
- Nhiên liệu	958,879,011	620,159,861
- Khác	10,506,536,522	8,073,520,164
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>142,976,105,966</b>	<b>81,260,151,793</b>

**16. Phải trả khác**

	31/03/2015	01/01/2015
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>35,455,181,163</b>	<b>32,017,846,286</b>
- Bảo hiểm xã hội	5,157,182,599	1,839,406,034
- Bảo hiểm y tế	586,798,830	330,989,976
- Bảo hiểm thất nghiệp	261,399,835	146,825,840
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	296,105,000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	26,395,263,874	26,395,263,874
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,054,536,025	3,009,255,562
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35,455,181,163</b>	<b>32,017,846,286</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
<b>Số dư đầu năm trước</b>	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	119,955,573,858	464,251,571	1,364,967,654,681
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	61,359,577,134	-	61,359,577,134
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	(59,044,725,000)	-	(59,044,725,000)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(53,340,284)	(53,340,284)
- Giảm khác	-	-	-	(14,000,000,000)	-	(14,000,000,000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>660,000,000,000</b>	<b>611,965,459,100</b>	<b>(27,417,629,848)</b>	<b>108,270,425,992</b>	<b>410,911,287</b>	<b>1,353,229,166,531</b>
- Tăng vốn trong quý này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong quý này	-	-	-	14,294,770,886	24,417,489	14,319,188,375
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong quý này	-	-	-	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Lỗ trong quý này	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư ngày 31/03/2015</b>	<b>660,000,000,000</b>	<b>611,965,459,100</b>	<b>(27,417,629,848)</b>	<b>122,565,196,878</b>	<b>435,328,776</b>	<b>1,367,548,354,906</b>

#### b. Cổ phiếu

	31/03/2015	01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66,000,000	66,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66,000,000	66,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	66,000,000	66,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	394,750	394,750
+ Cổ phiếu phổ thông	394,750	394,750
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65,605,250	65,605,250
+ Cổ phiếu phổ thông	65,605,250	65,605,250
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 đồng/cổ phiếu		

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
- Doanh thu bán hàng hóa	101,176,621,201	54,049,252,594
- Doanh thu bán thành phẩm	402,562,487,065	488,167,711,781
- Doanh thu bán phụ phẩm	40,067,717,521	79,693,130,799
- Doanh thu bán thành phẩm gelatin	537,290,094	931,914,667
- Doanh thu bán thức ăn	574,576,290	-
- Doanh thu khác	2,157,580,850	2,289,210,267
<b>Cộng</b>	<b>547,076,273,021</b>	<b>625,131,220,108</b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
- Giảm giá hàng bán	752,171,593	709,754,640
- Hàng bán bị trả lại	1,549,204,633	2,142,479,160
<b>Cộng</b>	<b>2,301,376,226</b>	<b>2,852,233,800</b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	97,769,483,425	58,457,033,361
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	347,873,880,258	422,323,971,323
- Giá vốn của phụ phẩm đã bán	32,863,767,518	71,745,984,975
- Giá vốn của thành phẩm gelatin đã bán	276,253,274	508,617,430
- Giá vốn của thành phẩm thức ăn	577,036,321	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Giá vốn khác	3,338,761,858	2,993,399,015
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(4,683,717,768)	(2,187,551,318)
<b>Cộng</b>	<b>478,015,464,886</b>	<b>553,841,454,786</b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	189,543,156	239,205,572
- Cổ tức lợi nhuận được chia	2,302,000,000	2,019,000,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	5,568,533,814	995,901,151
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2,803,550	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	298,756,418	3,485,885
<b>Cộng</b>	<b>8,361,636,938</b>	<b>3,257,592,608</b>

#### 5. Chi phí tài chính

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
- Lãi tiền vay	15,358,675,335	15,660,020,116
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	62,462,726	404,162,249
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	4,829,453,480	217,948,192
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(231,386,449)	-
- Chi phí tài chính khác	-	6,315,880
<b>Cộng</b>	<b>20,019,205,092</b>	<b>16,288,446,437</b>

#### 6. Thu nhập khác

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	11,831,850
- Các khoản khác	998,567,242	948,229,960
<b>Cộng</b>	<b>998,567,242</b>	<b>960,061,810</b>

#### 7. Chi phí khác

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	14,512,966
- Các khoản bị phạt	392,825,627	-
- Các khoản khác	97,520,956	271,714,665
<b>Cộng</b>	<b>490,346,583</b>	<b>286,227,631</b>

#### 8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>14,277,517,187</b>	<b>11,421,673,790</b>
- Khấu hao	213,182,120	202,634,145
- Chi phí xăng dầu	263,073,930	477,098,849
- Chi phí lương nhân viên	7,935,079,323	6,619,108,193
- Chi phí ngân hàng	2,007,224,636	1,094,484,068
- Chi phí tiếp khách	876,884,790	-
- Các khoản chi phí QLDN khác	2,982,072,388	3,028,348,535
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>25,913,033,018</b>	<b>37,355,218,493</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Cước tàu, vận chuyển	19,908,001,833	24,304,616,925
- Khấu hao	31,258,926	734,448,116
- Chi phí lương nhân viên	1,211,834,883	975,258,440
- Chi phí kiểm hàng	640,438,000	1,162,765,500
- Chi phí bốc hàng	1,347,325,808	1,915,371,850
- Chi phí hoa hồng môi giới	155,376,536	4,829,230,760
- Chi phí ngân hàng	565,337,370	903,234,615
- Chi phí gian hàng hội chợ	505,775,613	544,860,477
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1,547,684,049	1,985,431,810

#### 9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,219,024,448,962	1,106,433,217,995
- Chi phí nhân công	79,302,257,717	52,340,713,318
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	21,606,377,951	27,416,755,030
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	117,955,743,713	72,510,954,407
- Chi phí bằng tiền khác	2,874,623,411	2,528,453,742
<b>Cộng</b>	<b>1,440,763,451,754</b>	<b>1,261,230,094,492</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Công ty đi vay	12,846,700,000	64,041,000,000

Tại ngày kết quý, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	31/03/2015	01/01/2015
Hội đồng quản trị	-	773,000,000
<b>Công nợ phải thu</b>	<b>-</b>	<b>773,000,000</b>
Hội đồng quản trị	111,508,359,000	102,420,000,000
<b>Công nợ phải trả</b>	<b>111,508,359,000</b>	<b>102,420,000,000</b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt	Công ty cùng chủ đầu tư

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa các công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số phát sinh từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Bán vật tư, tiền điện	1,777,858,830	-
Lãi cho vay	-	75,044,736
Cho vay	-	1,868,000,000
Đi vay	-	40,086,963,881
Thu nhập từ thanh lý vật tư	31,866,538	-
Chi hộ	-	524,385
<b>Công ty CP Cromit Nam Việt</b>		
Cho vay	-	350,000,000

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Phải thu khác	9,597,218	9,597,218
<b>Triple T Corporation (USA)</b>		
Phải thu bán hàng hóa	91,387,738,236	116,247,815,946
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>91,397,335,454</b>	<b>116,257,413,164</b>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Phải trả tiền mua vật tư, thuê đất tiền điện	16,868,760,394	14,227,499,376
Phải trả tiền vay	85,794,022,384	88,171,022,384
<b>Công ty TNHH Thanh Thiên</b>		
Phải trả tiền vay	7,100,000,000	7,100,000,000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>109,762,782,778</b>	<b>109,498,521,760</b>

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

### **Khu vực địa lý**

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Quý I/2015	Quý I/2014
Xuất khẩu	490,091,036,504	520,296,948,619
Trong nước	54,683,860,291	101,982,037,689
<b>Cộng</b>	<b>544,774,896,795</b>	<b>622,278,986,308</b>

Các công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, chế biến và kinh doanh cá.

### 3. Thông tin về bộ phận

#### **Tổng quan**

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn phê duyệt.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### **Phải thu khách hàng**

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

#### **Các khoản cho vay**

Tập đoàn cho các công ty liên quan và nhân viên vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không bị giảm giá	Đã quá hạn và/ hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản đương tiền	5,875,712,011	-	-	-	5,875,712,011
Phải thu khách hàng	277,571,649,778	-	-	123,341,686,065	400,913,335,843
Các khoản cho vay	500,000,000	-	-	-	500,000,000
Các khoản phải thu khác	164,100,783,410	-	-	1,224,311,876	165,325,095,286
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	184,021,000,000	-	-	31,304,000,000	215,325,000,000
<b>Cộng</b>	<b>632,069,145,199</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>155,869,997,941</b>	<b>787,939,143,140</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản đương tiền	8,912,863,533	-	-	-	8,912,863,533
Phải thu khách hàng	422,043,719,099	-	-	123,341,686,065	545,385,405,164
Các khoản cho vay	502,497,000	-	-	-	502,497,000
Các khoản phải thu khác	176,535,090,453	-	-	1,224,311,876	177,759,402,329
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	189,719,000,000	-	-	31,304,000,000	221,023,000,000
<b>Cộng</b>	<b>797,713,170,085</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>155,869,997,941</b>	<b>953,583,168,026</b>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	1,090,649,482,861	310,055,778,900	-	1,400,705,261,761
Phải trả người bán	270,948,587,229	-	-	270,948,587,229



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Các khoản phải trả khác	170,521,933,864	-	-	170,521,933,864
<b>Cộng</b>	<b>1,532,120,003,954</b>	<b>310,055,778,900</b>	-	<b>1,842,175,782,854</b>

#### Số đầu năm

Vay và nợ	1,358,547,464,118	118,621,133,871	-	1,477,168,597,989
Phải trả người bán	380,314,029,438	-	-	380,314,029,438
Các khoản phải trả khác	42,237,083,441	-	-	42,237,083,441
<b>Cộng</b>	<b>1,781,098,576,997</b>	<b>118,621,133,871</b>	-	<b>1,899,719,710,868</b>

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	CNY	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	83,468.43	3,474.87		349,304.48	2,677.21	
Phải thu khách hàng	13,937,938.81		253,767.09	25,314,925.49		987,261.20
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	68,085.05	-	-	256,272.94	-	-
Phải trả người bán	(5,288,501.72)	-	-	(31,661,169.17)	-	-
Vay và nợ	(20,984,799.97)	-	-	(7,785,995.11)	-	-
<b>(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(12,183,809.40)</b>	<b>3,474.87</b>	<b>253,767.09</b>	<b>(13,526,661.37)</b>	<b>2,677.21</b>	<b>987,261.20</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

#### Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

## 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản đương tiền	5,875,712,011	-	8,912,863,533	-	5,875,712,011	8,912,863,533
Phải thu khách hàng	400,913,335,843	(104,419,300,249)	545,385,402,164	(104,419,300,249)	296,494,035,594	440,966,101,915
Các khoản cho vay	500,000,000	-	502,497,000	-	500,000,000	502,497,000
Các khoản phải thu khác	165,325,095,286	(856,076,393)	177,759,402,329	(856,076,393)	164,469,018,893	176,903,325,936
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	215,325,000,000	(12,903,449,855)	221,023,000,000	(13,284,836,304)	202,421,550,145	207,738,163,696
<b>Cộng</b>	<b>787,939,143,140</b>	<b>(118,178,826,497)</b>	<b>953,583,165,026</b>	<b>(118,560,212,946)</b>	<b>669,760,316,643</b>	<b>835,022,952,080</b>

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	1,400,705,261,761	1,477,168,597,989	1,400,705,261,761	1,477,168,597,989
Phải trả người bán	270,948,587,229	380,314,029,438	270,948,587,229	380,314,029,438
Các khoản phải trả khác	170,521,933,864	42,237,083,441	170,521,933,864	42,237,083,441
<b>Cộng</b>	<b>1,842,175,782,854</b>	<b>1,899,719,710,868</b>	<b>1,842,175,782,854</b>	<b>1,899,719,710,868</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban điều hành Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Người lập

*Mai Ngọc Cường*

Kế toán trưởng

*Trần Minh Cảnh*

Tổng giám đốc



CHỖ TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Duy Nhật*

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Số : 790...../CV-KTTC

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận  
Hợp nhất quý I/2015 so cùng kỳ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Xuyên, ngày 11 tháng 05 năm 2015

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận trước thuế hợp nhất như sau:

- Lợi nhuận trước thuế quý I/2015: 15,419,534,209 đồng

- Lợi nhuận trước thuế quý I/2014: 7,303,619,589 đồng

Tăng 8,115,914,620 đồng tương đương tăng 111%.

**Nguyên nhân chủ yếu:**

- Doanh thu thuần quý I/2015 giảm 12% và doanh thu hoạt động tài chính tăng 157% so với quý I/2014.

- Giá vốn hàng bán quý I/2015 giảm 14%, chi phí tài chính tăng 23% và chi phí bán hàng giảm 31% so với cùng kỳ.

Công ty xin giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Nhu trên
- Ban TGD
- Lưu VT

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
CP  
NAM VIỆT  
TP. LONG XUYẾN - T. AN GIANG  
Nguyễn Duy Nhật